



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Thơ • Tháng 6 năm 2022 • Năm thứ 1 • Số 4
Email: baogiaytanhinhtruc@gmail.com • www.thotanhinhtrucviet.vn



Tranh Brielle Do

Đánh trên YouTube

Tình lạ – Khế iêm

Qua Link:

<https://www.youtube.com/watch?v=BARs2gABmKU>

TÌNH LẠ

Nhạc Nguyễn Trung, Lời Khế Iêm

“Một người tình ngủ quên trong rừng mơ làn tóc mai vời gió non vào chơi
Mắt van nài thú hoang cười và nhánh rong còn hỏi han gì khi xanh lơ
Ta ném mây chiều lòng suối biếc
 và bóp tan cõi lam thành tơ đùa về nơi đơn sơ một chút hồn nhiên
Bụi hoa bát ngát là cánh hương của lửa rơm và rất thơm mùi cỏ gai vừa thoảng
 qua cùng bọt bèo
Một sợi buồn thoi vương trên môi
Nụ hôn nồng đêm tinh khôi đã không còn vết chân người dẫu chim muông
 hay ma trôi
Đào mộ phần ta chôn ai tìm người tình ngủ quên trong ngày thơ
Giữa xuân thì đã không lời có người đi thông dong về với đời
Một người ...”

*

Cách đây 40 năm, khoảng đầu thập niên 1980s, lúc đó đời sống khốn khó, nhưng cũng chính nhờ vậy mà giúp tôi viết lời cho nhạc sĩ Nguyễn Trung chuyển thành nhạc, bao gồm *Liều Ca*, *Em Đã Bay Đi*, *Độc Âm*, và *Tình lạ*. Nếu *Liều Ca*, *Em Đã Bay Đi*, *Độc Âm* là giấc mộng trong gió mát trăng thanh, thì *Tình lạ* là tưởng tượng, bão giông, lời lạ, tiếng lạ. Sau này, qua hải ngoại, còn có thêm lời thơ Tân hình thức: *Con Mèo Đen*, *Chuyện Đời Kể*, *Hồi Ưc Mưa*, cũng do nhạc sĩ Nguyễn Trung phổ nhạc. 7 bài hát, như vậy là đủ, không cần thêm nữa, vì tất cả chỉ là do cảm hứng tình cờ, chứ không hề có mục đích nào khác.

Nhạc sĩ Nguyễn Trung tốt nghiệp và sau đó dạy nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc tại Sài Gòn trước 1975. Và sau 1975, dạy nhạc tại hải ngoại.

Đánh trên YouTube:

Em đã bay đi – nhạc Nguyễn Trung – Khế Iêm

Qua Link:

<https://www.youtube.com/watch?v=WHaFZ5fO9EM>

Liều ca – nhạc Nguyễn Trung

Qua Link:

<https://www.youtube.com/watch?v=DNIBWZ2zauY>

Lời Tòa Soạn

Báo Thơ số 3, sau khi phát hành, tôi nhận được email của một bạn đọc yêu cầu thêm phần thơ dịch. Điều này nhắc tôi nhớ lại website www.thotanhinhthuc.org – từng chia sẻ rất nhiều tư liệu dịch thuật, ngay cả mục *Other Poetry Voices* (thơ dịch, *Những Tiếng Nói Khác*) – đột nhiên biến mất. Website biến mất nhưng những tư liệu vẫn còn được giữ lại. Nhân dịp này tôi lấy tất cả các bài thơ dịch lay-out thành một ấn bản song ngữ với tựa đề *American Poetry – A Memorable Time* (Thơ Mỹ – Một thời đáng nhớ), tổng kết: Trên 220 bài thơ với 18 tác giả thơ thể điệu (traditional verses) và 26 tác giả thơ tự do (free-verses), với 656 trang khổ 6/9.

Thơ Mỹ, trong gần nửa thế kỷ với những trường phái thơ tự do, đến cuối thập niên 1980s, chuyển qua thể luật, với trường phái thơ Tân hình thức. Sau đó, thơ không còn trường phái nào nữa, ngoài thể luật và tự do, ai muốn làm gì thì làm, với ngôn ngữ đời thường và ý tưởng liên lạc, nói lên tâm tư của người làm thơ trong cuộc sống hiện tại. Trong tuyển tập này, tôi chuyển dịch thơ thể luật trích từ cuốn “*Những Thiên Thần Nổi Dậy*”, với sự đồng ý của nhà chủ biên (editer) Mark Jarman, và thơ tự do từ những nhà thơ có mối liên hệ khi tôi chủ trương tờ báo song ngữ *Poetry Journal In Print*. Nói chung, dịch thơ từ tiếng Anh qua tiếng Việt là điều rất khó, đòi hỏi nhiều công sức. Dịch, không thể dịch nghĩa chữ mà dịch ý nghĩa của bài thơ. Vì vậy, mục đích của bản dịch tiếng Việt là giúp bạn đọc quan tâm tới thơ Mỹ, hiểu chính xác ý nghĩa của ngôn ngữ thơ.

*

Cuốn sách tôi mới nhận được “*Theo Dấu Thư Hương*”, tạp luận của Trịnh Y Thư, 380 trang, *Văn học Press* xuất bản. Theo tác giả, “từ Thư Hương theo từ điển Hán-Việt của cụ Đào Duy Anh, được định nghĩa là nền nếp nhà Nho. Cụ Nguyễn Du sử dụng nó hai lần trong tác phẩm *Truyện Kiều*. Nhưng ngày nay là một từ không thấy xuất hiện rộng rãi, và hình như cũng không ghi trong các bộ từ điển tân thời.

“Nếu hiểu thư hương là cốt cách nhà Nho thì cốt cách ấy là đọc sách, đọc để luyện chí, chứ không phải để thi đỗ làm quan. Ở điểm này, chí ít Flaubert và các nhà Nho đi cùng con đường, và có lẽ các cụ có gặp gỡ nhau, dù người trời Đông người trời Tây.”

Cuốn sách, từ hình thức đến nội dung đều hoàn chỉnh. Trong thời hiện tại, với internet, google, Youtube ... mọi người đều có thể nghe, đọc tiểu thuyết, tin tức và mọi cuộc giải trí như phim ảnh, phỏng vấn, đối thoại ... Nhưng đọc sách, qua nét chữ, mới cảm nhận được sự sâu lắng trong tâm hồn. Và đọc, cũng hạn chế ở nhóm người liên hệ tới văn chương, tùy theo mỗi thứ bậc. Có người chỉ đọc những tác phẩm nổi tiếng trên thế giới, qua những bản dịch, vì vậy, đa số nhà xuất bản đều in ấn những tác phẩm dịch để bán. Có rất ít người đọc để sống với thế giới đọc. Tác giả Trịnh Y Thư là một thí dụ điển hình. Cũng nhờ vậy mà ông trở thành một dịch giả. Qua những bài viết của ông, thể hiện kiến thức của ông về đời sống của những nhân vật nổi tiếng thế giới, đồng thời giúp cho người đọc có thêm những hiểu biết.

Đây là quan niệm của ông về dịch thuật: “Về dịch thuật, nói chung, có hai xu hướng: hoặc trung thành với văn bản nguyên tác; hoặc đặt trọng tâm vào yêu cầu tiếp nhận của ngôn ngữ dịch. Ở thời đại của chúng ta, quan niệm đúng đắn phải là sự kết hợp chặt chẽ cả hai xu hướng trên. Mặc dù những tôn chỉ chung chung, tín-đạt-nhã, kiểm chế người dịch, không cho hấn sa đà, nhưng người dịch không còn là kẻ “tra từ điển chuyên nghiệp” nữa. Có khoảng đất trống cho hấn phô diễn nét tài hoa trong bản dịch.

“Riêng đối với tôi, dịch Jane Eyre vừa dễ vừa khó. Dễ vì đây không phải là một tác phẩm tiểu thuyết đầy màu sắc triết học siêu hình khó đọc. Nhưng khó vì ngôn ngữ văn học của tác phẩm là loại Anh ngữ của dòng văn học Anh thế kỷ XIX. Có những từ ngày nay không mấy ai sử dụng nữa, hoặc nếu còn thì lại hiểu theo một ý nghĩa khác. Điểm khó khăn khác cho người dịch cũng như người đọc là sự phong phú của chữ nghĩa, sự xa lạ của đồ vật, cảnh vật, sinh hoạt, tập quán đối với đa phần độc giả người Việt. Tác phẩm cũng trích dẫn nhiều điển tích từ Kinh Thánh hoặc các tác phẩm văn học cổ điển mà nếu không rõ xuất xứ thì khó có thể lĩnh hội điều tác giả muốn biểu đạt. Về điểm này tôi có soạn thêm phần chú thích vào bản dịch để giúp độc giả hiểu thêm nếu cần.

“Dịch Jane Eyre, tôi học hỏi được nhiều điều, sự phong phú của cấu trúc ngôn ngữ, tính đa tầng của ý nghĩa văn học và nhân sinh. Nếu không thế, tác phẩm đã không còn sức thu hút sau gần hai thế kỷ. Có những đoạn tôi thấy rất thú vị khi dịch. Chẳng hạn chương 23 khi ông Rochester lần đầu tỏ tình với Jane. Trữ tình, dĩ nhiên, văn đã đẹp lại điểm thêm chút hài hước.”

*

Cuốn sách thứ hai tôi nhận được, “Một Đời Thấp Tình”, thơ và những bài viết của nhiều tác giả về nhà thơ Thành Tôn, trên 500 trang, nxb Viễn Xứ, trong đó tập thơ *Thấp Tình* chỉ có hơn 100 trang.

Những bài viết không phải viết về thơ, mà đa số chỉ viết về tình bạn, họ coi ông là bạn hiền và mê sách. Thơ *Thấp Tình* là dòng thơ vắn điệu, ông làm từ thời còn trẻ. Thơ vắn điệu thời Tiền chiến, thập niên 1940s, 1950s là dòng thơ cảm xúc. Nhưng đến thập niên 1960s, xuất hiện phong trào thơ tự do, đặt lý trí và ngôn ngữ lên trên hết. Điều này cũng dễ hiểu, vì đó là thời đại đất nước bị phân chia, con người không thể sống trong thanh bình như thời Tiền Chiến, mà bị chi phối bởi hai chế độ chính trị khác nhau, với cuộc chiến thương đau, vô nghĩa. Và lại những nhà thơ nổi tiếng như Thanh Tâm Tuyền của thời Sáng Tạo, là người có kiến thức sâu sắc về thơ phương Tây, đặc biệt thời đó là nước Pháp.

Trở lại với tập thơ *Thấp Tình*, là dòng thơ vắn điệu, thời thập niên 1960s, kết hợp giữa cảm xúc và lý trí, quan tâm tới cách xử dụng ngôn ngữ. Chính vì lý do này, *Thấp Tình* đã trở thành một tập thơ hay. Bạn đọc có thể nhận thấy trong bài thơ mà ông thích nhất, từng được đăng trên *Tạp chí Thơ*, được đăng lại trong số báo này.

THƠ DỊCH

Dana Gioia

PITY THE BEAUTIFUL

Pity the beautiful,
the dolls, and the dishes,
the babes with big daddies
granting their wishes.

Pity the pretty boys,
the hunks, and Apollos,
the golden lads whom
success always follows.

The hotties, the knock-outs,
the tens out of ten,
the drop-dead gorgeous,
the great leading men.

Pity the faded,
the bloated, the blowsy,
the paunchy Adonis
whose luck's gone lousy.

Pity the gods,
no longer divine.
Pity the night
the stars lose their shine.

TỘI NGHIỆP NGƯỜI ĐẸP

Tội nghiệp người đẹp, những người đàn
bà hấp dẫn, những người đàn bà
thon gọn, những người đàn bà trẻ
với những nhân tình ra vẻ, đang

Ban phát cho họ những ước muốn.
Tội nghiệp những chàng đẹp trai, những
chàng trai lực lưỡng, và những chàng
trai nam tính, những chàng trai vàng

Mà sự thành công luôn luôn bám theo.
Những người lôi cuốn sự thèm muốn,
những người cám dỗ không cưỡng được,
những người ở hạng thóp, những người

Ngoại hạng, những người đàn ông hàng
đầu hết sẩy. Tội nghiệp kẻ tàn
lụi, kẻ béo phì, kẻ nhếch nhác,
chàng đẹp trai nay đã bụng phệ

Sự may mắn đến nước tòi tẹt.
Tội nghiệp những vị thánh không còn
thiênêng, tội nghiệp đêm, những vì
sao đánh mất sự chói sáng.

Ghi chú

Apollos và Adonis là những vị thần thời cổ đại La Hy, chỉ những chàng đẹp trai. Nguyên tác thì kiêu lời, nhưng bản dịch thì nhiều lời để làm rõ ý, một phần vì bài thơ dùng nhiều tiếng lóng.

KI dịch

Paul Hengry

THE BLACK GUITAR

Clearing out ten years from a wardrobe
I opened its lid and saw Joe
written twice in its dust, in a child's hand,
then a squiggled seagull or two.

Joe, Joe

a man's tears are worth nothing,
but a child's name in the dust, or in the sand
of a darkening beach, that's a life's work.
I touched two strings, to hear how much
two lives can slip out of tune

then I left it,

brought down the night on it, for fear, Joe
of hearing your unbroken voice, or the sea
if I played it.

GHI TA ĐEN

Dọn dẹp tủ quần áo sau mười năm
tôi mở nắp hộp đựng đàn và thấy chữ Joe
viết hai lần trong lớp bụi, bằng bàn tay trẻ con
sau đó là nét thẩu hình một cánh chim hải âu hoặc hai.

Joe, Joe

nước mắt của một người đàn ông chẳng giá trị gì
nhưng tên của đứa trẻ trong lớp bụi, hoặc trong cát
nơi một bờ biển quá khứ, đó là tác phẩm đời.
tôi chạm hai sợi dây, để nghe xem bao nhiêu
hai cuộc đời có thể vượt khỏi giai điệu

rồi tôi bỏ đó

đóng nắp hộp đàn lại, vì sợ, Joe
sợ phải nghe giọng êm đềm của mi hoặc của biển cả
nếu tôi gảy nó lên.

KI DỊCH

Phillip A. Ellis

DEAD, WHITE WOOD

Out of the futile grasp
of ghost-white ghost gums,
a cold moon rising,
coloured the hue
of cold smoke furling in flat,
florescent shapes
that were formed beneath
an overarching lamp
falling asleep in the declining
hours of sinking mercury,
and sleepiness settling
like emptied dreams
lazily turbulent

KẸ CHẾT RỪNG TRẮNG

Thoát ra khỏi sự nắm bắt
vô vọng của những cây bạch
đàn ma – ma trắng một mặt
trắng lạnh nhô lên tô điểm
sắc thái một làn khói lạnh
gợn theo bề mặt tạo thành
những hình dạng huỳnh quang bên
dưới ngọn đèn trắng bao quát
như ai đó thiếp ngủ lúc
nửa đêm về sáng khi hàn
thử biểu xuống thấp thấm lạnh
và sự ngái ngủ làm thư
dẫn như những giấc mơ trống
rỗng lộn xộn một cách uể

as from cigarettes,
ash-grey as moons
in ghost gums' ringbarked grasps,
I dream of the trees
marching towards me,
an orchard of dead, white
wood.

oải được nhả từ khói của
những điều thuốc lá đầu ngày
và màu xám tro không khác
gì những mặt trăng phản ánh
từ những khoang nhẵn của vỏ
những cây bạch đàn ma, tôi
mơ những cây bạch đàn ấy
bước đều về phía tôi, vườn
cây của kẻ chết, rừng trắng.

KI dịch

Tom Riordan

CORANACH

It didn't seem like
it was ever
going to get dark,
but now it has,
and night exhales
the same languor.
Who could die
in the summer?
And if you did,
it would have to
be an almost
imperceptible
death as you lay
in the fragrances
of mock-orange
and honeysuckle
and drifted off
in a similar way.
Do not go gentle,
though. It is better
you wait until fall
with its barreling
days and brisk
nights that hurt.

CORANACH

Dường như là ngày
không bao giờ chấm
dứt nhưng bây giờ
chấm dứt, và đêm
thở ra cùng một
vẻ đờ đẫn. Ai
sẽ chết vào mùa
hè? Và nếu bạn
chết, thì đó là
cái chết không đáng
kể như bạn nằm
xuống trong những mùi
thơm của hoa ngâu
và hoa kim ngân
và thiếp ngủ trong
cùng một cách. Đừng
đi nhẹ vào, dẫu sao.
Tốt hơn bạn đợi
tới mùa thu với
những ngày vút nhanh
và những đêm vút lạnh.

* Coranach: là lời than khóc của người Ái Nhĩ Lan trong đám tang.

KI dịch

Sydney Lea

THE WRONG WAY WILL HAUNT YOU

(*Shouting a hound*)

Spittle beads as ice along
her jaw on this last winter day.
And when I lift her, all her bones
are loose and light as sprigs of hay.

For years her wail has cut the woods
in parts, familiar. Host of hares
have glanced behind as she ploughed on
and pushed them to me unawares.

Now her muzzle skims the earth
as if she breathed a far dim scent,
and yet she holds her tracks to suit
my final, difficult intent.

For years with gun in hand I sensed
her circle shrinking to my point.
How odd that ever I should be
the center to that whirling hunt.

Here a yip and there a chop
meant some prime buck still blessed with
breath,
and in the silences I feared
she'd run him to her own cold death.

The snow that clouds my sights could be
a trailing snow, just wet and new
enough to keep a scent alive,
but not so deep that she'd fall through.

* Sydney Lea is an American poet, novelist,
essayist, editor, and professor, and was the
Poet Laureate of Vermont (2011–15).

ĐIỀU KHÔNG HAY THƯỜNG ĐẾN

(*Tiếng kêu một con chó săn*)

Những hạt nước dãi như băng giá dọc
theo quai hàm con chó săn vào ngày
cuối đông. Và khi nhấc lên xương cốt
nó lỏng lẻo và nhẹ như một cọng

cỏ khô. Suốt năm tiếng kêu quen thuộc
của nó đã cắt khu rừng thành từng
phần. Bầy thỏ liếc nhìn phía sau không
biết nó đã rẽ và đẩy chúng tới

tôi. Bây giờ mõm nó là đà dưới
mặt đất, như thể sự thính mũi của
nó đã lờ mờ xa, và lúc này
ý định giữ vòng săn đáp ứng mục

tiêu với nó là khó. Suốt năm, với
cây súng trong tay tôi có cảm giác
nó đã bắt đầu già. Tôi chưa bao
giờ trông chờ tôi là trung tâm cuộc

săn cuồng quay đó. Đây là tiếng sủa
và kia là con mồi, có nghĩa là
vài con nai tơ vẫn sống, và trong
yên lặng tôi sợ việc đuổi theo đã

mang tới cái chết lạnh cho chính nó.
Tuyệt phủ tầm nhìn của tôi có thể
là tuyết vẽ thành vệt, ướt và mới
đủ để giữ sự thính mũi tồn tại,

nhưng không sâu rằng nó đã thất bại.

* Sydney Lea (1942 –), sáng lập và cựu chủ
biên tờ “The New England Review”, tác giả
thơ, truyện, tiểu luận. Tuyển tập thơ của ông
bao gồm Searching the Drowned Man, The
Floating Candles, No sign, Prayer for Little
City và The Blainville Testament. Ông sống
ở Newbury, Vermont, USA.

KI dịch

THƠ VÀN ĐIỀU VÀ TỰ DO

Thành Tôn

TA, NHƯ MỘT HÀM HỒ

1.

Cũng không chóng thì chầy
Đời ta rồi sẽ hồng
Bởi ai tin được mình
Khi nói ăn cùng một miếng

Nhưng dù sống thế nào chẳng nữa
Một đời mang nặng dấu dương gian

Làm sao tẩy sạch đời ta
Trong óc người đã sẵn
Làm sao xóa bóng cuộc tình
Khi trang đời vừa lật

2.

Đến lúc mỗi người trong chúng ta
Vuốt ve niềm kiêu hãnh mọn

Bởi làm lẫn riêng nào
Không tuyệt vời một phía
Khác nào nốt ruồi son
Trên ngực hồng em bát ngát

Khác nào gương mặt ta
Ngày qua dấu đời biến đổi
Khác nào tâm hồn em
Lặn sâu vào niềm cô đơn nọ

3.

Mỗi ngày phải soi gương
Có ngờ đâu đã nhờ mặt thủy
Ẩn hiện nhan diện mình
Trong lớp đời nhầy nhụa

Có cần hiểu đến ai
Khi cuộc ta chưa rõ
Có phải nói thao thao về những kẻ
Mà chính mình bôi mặt mù tằm

Tự lẫn trốn trong ta
Những dối lừa đần độn
Tự chui nhủi đời mình
Lầm lạc lừa phiến lụy

Thấy được chính ta rồi
Quả có nhờ gương kẻ khác
Nhưng lập lò trên mỗi dung nhan
Nghìn đời chưa nói hết

Nó ẩn dấu một hành vi
Trăm ngàn năm bần bật
Hàm chứa một trần tình
Suốt một đời tự thú

4.

Lương tri nào có phải của ta
Nếu không từ kẻ khác
Nhưng sống đời ta cho những ai
Hẳn là điều vô lý

Có phải sống với nhau là tự hiểu
Nỗi cô đơn thu dọn lại riêng mình
Có gì khác hơn không
Khi soi vào gương mặt lạ
Em nhìn thấy được gì
Khi đời anh bóc trần, lật trái
Họa hoàn nỗi cô đơn
Riêng mỗi người một lớn
Chung sống chính thị là
Bắt đầu ta thủ thế

5.

Có điều thật lạ lòng
Em nào đâu đã hiểu
Mỗi khi lời thốt ra
Ý đã ngầm xuyên tạc

Mỗi khi lời thốt ra
Không còn tin ta đã nói

Chắc không ai không rõ chính mình
Một khối đời khó hiểu
Bởi ta thất lạc ta
Ngay buổi đầu đã dẫn

Em tin chính vào lời em
Thật là điều kỳ lạ
Tin vào được gì ta đã nói
Khác nào theo dấu ngựa truy phong

Bám vào ý tưởng mình
Không lấy gì làm trọng
Lẽ dĩ nhiên là ta đánh lừa
Ngay chính ta mắc bẫy

Nhiều lúc thật tầm thường
Phải nhân danh một người để nói

6.
Có một điều hiển nhiên
Không bao giờ chịu thấy
Sống là thoa son trát phấn đời mình
Mỗi ngày thêm xấu xí

Bởi quan niệm sống như là kẻ khác
Trốn trong ta ve vuốt nỗi tình riêng

Làm lẫn nào ta chẳng có
Mơn trớn chi nghìn nỗi thẹn thùng
Hãy nói toạc những điều
Ngặt thốt ra lại chính mình dối gạt

Hụp lặn trong phân vân
Để rồi không có thực
Như chìm đắm vào tình chung
Để thấy mình đơn chiếc

Đừng giận hờn nhau chi vội
Hiểu thế nào trong cõi riêng

7.
Nhiều lúc tưởng đã xong
Những điều ta thanh toán
Nào ngờ sợi vô hình
Buộc đời ta trong đó

Nào ngờ chính cuộc ta
Đã chơi trò cút bắt

Thỏa mãn một điều nào
Chắc gì lòng ta đã thuận
Sống dùm ngó mọi người
Với nỗi lòng thấp thòm

8.
Có ai tin chắc đời mình
Trên một đường đã vạch
Bởi sống còn nhân danh kẻ khác
Phải đâu ta thể đứng riêng mình
Thật sự có nhiều khi
Mặc cho đời thành kiến

Thế rồi ta có chắc là ta
Trong tâm suy diễn nọ
Ngoi ngóp sợi ăn năn
Riết rồi dây cũng đứt

Riết rồi chính niềm tin
Phú cho đời chẵn lẻ
Những cái lác thật tình
Chung qui trò sắp ngựa

9.
Vị phông nó là người
Có điều gì đáng nói
Dù sinh ra đời không đánh dấu
Cũng còn vượn chàm vết thâm quen

Chui rúc vào niềm riêng
Nào ngờ ta đồng lõa
Vớt vát chút tình hoài
Nỗi lòng nghe đã mục
Dạng thức nào trên mỗi chúng ta
Không lỏng trong chiếc bóng

10.
Thật sự ta chán đời
Chính là người được cuộc
Nửa đường đi đến muốn quay lui
Cũng một lẽ làm quen thân mắt nét

Chắc em lạ lùng
Do chính điều em bày biện
Anh cũng chả khác nào
Một anh mù nói tương
Chúng ta chả khác nào
Chính điều ta đã tưởng

11.

Thêm những thắc mắc vào
Chai lì hơn cuộc sống
Nhưng dẫn đến một đường quen
Chắc gì em chịu bước

Khổ tâm thay những ai không chịu hiểu mình
mà cam tâm làm theo kẻ khác

Nhân danh một đời thừa
Nói những điều đã thiếu
Nghĩ đến thực dừng dung
Như ván đời đã lật

Cây bài nào không mang một dấu riêng
Như vết chàm đã sẵn
Ích lợi gì đâu điều đã thấy
mà phan phui thù nghịch riêng tây

12.

Nhiều lúc nghĩ chính mình
Đúng là trò bịp bợm
Phải trái trên một đường dây
Xem như màn hát xiếc

Có đến thật sự rồi
Mới thấy mình lầm lẫn
Ra khỏi một nơi nào
Quả là điều bất hạnh

Ta nào rõ chính ta
Hơn một lần sắp sửa

13.

mài nhẵn đời ta thành nổi nhọn
Có điều gì vô lý hơn không

Thế mà chính thị là
Một điều tiên quyết đã
Có giải thích nào không là lần tự thú
Ngay trong ta bất lực đã tràn trề

14.

Thật chả mới lạ gì
cánh đời khi đã mở
Tự thân ta là người
Đều tầm thường, hẩm thế

15.

Có phải vậy không em
Cửa nào ta chớm gõ.

Kim Thanh

SÀI GÒN VẪN NHỚ TRONG TÔI !...

Nắng mai rục rĩ sao mong nhớ
Tiếc chi ngày xưa nhỏ ai buồn
Bao nhiêu kỷ niệm chập chờn
Sài Gòn mưa nắng trải hờn tuổi thơ.

Thời đạo tháng rong hơ tuổi ngọc
Vội nắng hè gắt bóc vờn da
Mơ chi tà áo thướt tha
Yêu em tình chết theo mà đợi trông.

Con mưa hạ trút dòng lũ ngập
Bóng dáng như ẩn nấp trong tim
Yêu đương gọi nhớ lặng thinh
Em đi chẳng nở thắm im đợi chờ.

Vòm trời nào đó tâm mơ
Dáng kiều yếu điệu ngây thơ mặn mà
Đêm về thấp thỏm ta thương đợi
Miệt mài trông ngóng mỗi mòn tôi.

Sài Gòn ngày đó qua trôi !...
Giờ này ký ức một thời xa xưa
Em đi vận nước mưa ngập lối
Sài Gòn bây giờ với trong ai ...

02-02-2021 .

Trịnh Y Thu
ÂM ƯỚT

Âm ướt đôi khi cũng thú vị
bầu trời ướt làm tôi lười biếng
môi em ướt làm tôi nao nao.

Tôi chờ đợi một ân huệ cuối
hấp hối niềm đau trong cơn hoan
lạc như âm vọng dội về từ miền viễn
một ngày qua đi một ngày chịu tội
như chiếc bóng đồ dài.

Một khi chân trần đi qua bãi mộ
sẽ có lúc bước chân tôi gục ngã
với gai nhọn và cạm bẫy đợi chờ
như loài thú không cất nổi tiếng kêu
lạc loài giữa trăng mù thương tích.

Âm vang châu thổ thẳng thốt bên bờ huyết
tôi vẫn cưu mang đời bức sinh
đi giữa cuộc đời huyền ảo
mà ngỡ bóng mây trắng u hình.

Và tôi đợi bóng đêm
những đêm trời âm ướt
ban xuống tôi ảo giác cuộc đời
như dòng sông chảy miết....

Lý Thừa Nghiệp
DƯỚI BÓNG MÂY

Đêm lắng nghiêm đêm lắng nghiêm
Gió cát chân dung những bậc hiền
Thời gian ngắn lệ chùng trong vắt
Rớt nhẹ lưng trời trắng thượng thiên.

Đưa nhau sông biển nhìn ngơ ngác
Trút cả tâm tình với núi sông
Bầy dơi làm tổ trên sa mạc
Chia chác chi đời ngọn gió đông.

Em về lỡ dở cơn mưa sa
Quá buổi can qua cuộc hải hà
Mời thêm chén nữa men hoang dã
Áo trắng tư bề áo nắng hoa.

Bát sửa đôi xanh chùng chuyển dạ
Đàn bò về lại với chồi cây
Ngó ra lớp lớp rơi vô ngã
Đốc biển quê nhà dưới bóng mây.

Đêm lắng nghiêm đêm xao động
Chưa chạm đã rên cả đất đai
Mời cả ngàn thu về dãy sóng
Chậm nguồn vỗ nhẹ bên như lai.

Hoàng Vũ Thuật
NGƯỜI CẦU GIÓ

Không ai nhận ra lối đi của gió
không ai nhận ra gương mặt gió

anh nhẫn nại ngồi câu trên đồi
sợi dây mảnh mai
những con điều làm môi với đôi cánh mỏng

gió và gió thổi căng phồng
túi càn khôn kè kè bên hông rộng rãnh

một ngày câu hai bàn tay trắng trở về
một đời câu tóc xanh hóa thành tóc trắng
lich trình gió buốt chưa thôi

gió vô hồi ngàn sau chưa hết
có nhận ra ta trong hữu hạn kiếp người.

19/3/2021

THƠ TÂN HÌNH THỨC VIỆT

Xuân Thủy

THÁNG TÁM MÙA NÀY MƯA BAO LÂU

Giữa bao nhiêu ngày tháng
giữa bao nhiêu thời gian
giữa bao nhiêu người đó
giữa bao nhiêu tôi... em
ở đâu giờ này em
ở đâu giữa hồn tôi
hay em ở giữa bao
nhiều người đó giữa bao
nhiều thời gian trôi giữa
bao nhiêu ngày tháng đó
trông vắng người ta yêu
mà sao lắm người ta
không yêu ngoài kia những
yêu ghét vô tình đó
giữa bao nhiêu nỗi đau
trăm nghìn giữa dẫu yêu
mơ hồng nay còn đâu
giữa bao nhiêu lời say
biết có ngồi được bên
biết có nhìn được nhau
ta không yêu em được
không yêu em vì ta
đã yêu đời này khi
em còn đứng đó ngược
mắt nhìn tháng tám mùa
này ngồi cơn mưa giữa
bao nhiêu trông vắng ta
đơn côi vô tình mà
như yêu lần đầu để
sang mùa em biết đó...

Xuân Thủy 12/8/2014

Phạm Quyên Chi

CHA

người đàn ông đến trước cửa
báo tin rằng: mùa đông này
nhớ mặc ấm và cha các
cháu chưa trở về rồi như
lời nói ấy nghiêng về góc
tường có bao giờ đâu nhỉ

chúng tôi chưa bao giờ nghĩ
rằng cha có một ý định
hiện hữu nào đến việc cho
ai đó biết trước hay biết
thêm bất cứ điều gì và
thế là câu nói không lâu

lắm thời gian của người lạ
kia đủ để hình dung đã
có một thời cha không trở
về nhà liệu sức lực và
ý chí ẩn náu nơi xa
xa có mang cha tới sự

hoang đường khi thuở xưa có
một lần cha nói âm vang
đến bây giờ: rừng sâu thật
là nơi tắm tối những tia
nắng chiếu xuống cùng khó khăn
đi xuống và cha ơi con

đường để thoát khỏi sự âm
u chắc chắn phải tìm được
chút ánh sáng lò mờ và
phải gặp được người quen và
cũng phải chắc chắn rằng họ
dũng cảm hơn là ngồi đó

rồi nghĩ ngợi rõ ràng cha
ơi một chút hèn nhát trên
một tiếng ào ào từ cơn
gió phía xa người bạn của
cha ông ấy đã đi trong
nỗi bất hạnh rõ hình dung

ấy trong đôi mắt trẻ thơ
em gái đã thâm nghĩ hãy
đi đến rừng núi một lần
nữa xuyên sâu vào dãy núi
đá: tin đi cha bị mắc
kẹt và xuyên qua từng kẽ

lá sẽ tìm thấy cha mình
bởi vì rừng cũng có chỗ
kết thúc, mọi cái trên đời
đều có chỗ kết thúc, phải
không nào cha ! Ta đi đi
nào...

Nguyễn Ngọc Triu
CHỢT LO BUỒN

Lâu lâu tôi chưa có giấc mơ nào
được thấy mẹ thấy cha tôi thường ra
ngoài ban công một mình ngồi chề thuốc
nhả khói lên trời cố ý cố ý

dành tâm trí nhớ về cha mẹ nhớ
ngôi nhà xưa nhớ mảnh vườn xưa có
đôi lúc tôi phải đợi vài giây vài
giây đợi mới hình dung nổi lúc này

trong tôi chột buồn lo buồn lo mới
chừng có ba chục năm cha mẹ tôi
về gặp lại ông bà vậy mà vậy
mà đôi khi phải vài giây vài giây

mới hình dung hình dung nổi nụ cười
đôi mắt đáng vóc và gương mặt mẹ
cha mình chưa đến tuổi bảy mươi mà
đã thế sọ mai ngày chậm nữa chậm

nữa mơ giấc mơ thấy mẹ thấy cha
sẽ thừa dần sẽ thừa dần có còn
không có còn không những khi những khi
chột nhớ ủa về? ngày cha mẹ tôi

đi xa cháu nội ngoại bấy giờ quá
nhỏ nỗi nhớ này biết gửi vào đâu?

Hà Nội 12/2020

Hường Thanh
LẦN THỨ 2 HAY LẦN NỢ LẦN NÀO

Bà ấy, người đàn bà đang làm
quen cặp mắt của gã trai nào
đó hay ngồi trong quán nước thường
tới. Trong cặp mắt bà ấy – người

đàn bà khắc khổ chân thực đang
làm quen một hình ảnh mà trong
đó không có cặp mắt của gã
nhìn, hoặc những người nào đó đem

cặp mắt của họ vào những câu
chuyện mà người ta gọi là mắt
thấy tai nghe. Trong cặp mắt gã
traí muôn vàn những chuyến xe rời

đi sớm như cặp mắt đã bỏ
roi một màn sương và trốn khỏi
một đám bụi ven đường. Còn con
mắt bà ấy thì không, vẫn đi

tới để làm quen con mắt của
gã trai. Vì bà nghĩ sự quen
thuộc của mình sẽ làm mất cậu
ta chớp lại và bà chỉ có

thẻ quay sang xin tiền một cậu
bé ngồi bàn cạnh đó. Cậu bé
quay mặt sang hỏi người bố của
nó “Còn tiền lẻ không ba ơi”

Nguyễn Tuyết Trinh
YÊU

Trên đôi môi anh mới
mệt tôi yêu những dòng
chữ lang thang qua con
tim không cùng, nơi nụ

cười anh ngậm đầy mùa
hè, hoa đỏ, hóm hỉnh,
láu lỉnh, đầy lùi thời
gian trong mắt anh. Tôi

yêu tiếng nói anh ru
bồng, đong đưa, khuấy động
những giấc mộng thầm kín
ưa nhìn vầng trán anh,

nơi lưu giữ tư tưởng
không sao tát cạn này.
Tôi yêu tâm hồn anh
những đường vân sáng rỡ,

diệu kỳ, mang dấu tích
ướt đẫm một chất men
cuồng nhiệt...

những ngày cuối năm hoa lá đua
chen trên những cánh đồng ươm hạt
mồ hôi chen trần trở nổi đời
chen ước mơ hi vọng chen từ

đồng ra phố chen dọc đường khắp
chợ chen trong tiếng nói cười bán
bán mua mua chen trong nếp nghĩ
nếp lo chen trong niềm vui chờ

nắng lên để tỏa ra khắp nhân
gian tỏa đi muôn phương một nụ
cười chào xuân hân hoan bao niềm
tin xuân yêu thương luôn mang thêm

cho em bé hồn nhiên cho lòng
người bình yên cho đêm thêm bình
minh cho hương đời chờ che trong
tình yêu thương đong đầy để luôn

chờ xuân

23.02.2019

Trần Văn Quyết
NHỮNG NGÀY CUỐI NĂM

những ngày cuối năm tất bật lẫn
những ngày cuối năm thường tất bật
lẫn theo vòng quay thời gian lẫn
theo vòng xoáy áo cơm lẫn theo

vòng đời nhọc nhằn sướng khổ buồn
vui lẫn theo tính toán mua sắm
lẫn theo tình với những cuộc hẹn
hò viếng viếng thăm thăm lẫn lẫn

NHÂN DÁNG THẦY VŨ KHẮC KHOAN

Phạm Quốc Bảo

Trước khi cùng nhau chúng ta bắt đầu thương thức máy chi tiết rất đòi thường mà khá độc đáo liên quan tới thầy Vũ Khắc Khoan, tôi thấy nên điểm sơ qua vài nét tiêu biểu cái bối cảnh của nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa:

Bắt nguồn từ chủ trương phát xuất ở thời chính phủ Trần Trọng Kim (17 tháng Tư đến 25 tháng Tám năm 1945), nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa (VNCH, từ cuối năm 1954 đến tháng Tư năm 1975) đã được áp dụng phổ cập và phát triển tại lãnh thổ Miền Nam Việt Nam rõ rệt nhất là ở bốn yếu tố chính:

– Ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) Việt (tức Việt ngữ) là quốc ngữ, đồng thời Việt hóa và phổ thông hóa nền giáo dục Việt ngữ rộng khắp lãnh thổ [1]. Chẳng hạn Việt ngữ đã là ngôn ngữ chính và duy nhất được giảng dạy từ vườn trẻ – mẫu giáo lên các bậc tiểu và trung học. Chẳng hạn cụ thể là ở phân khoa Văn Khoa Sài Gòn, trước năm 1963 vẫn hiện diện song song hai hệ thống Dự Bị Pháp giảng dạy bằng Pháp ngữ và Dự Bị Việt giảng dạy bằng Việt ngữ, nhưng sau năm đó Dự Bị Pháp không còn nữa, duy nhất chỉ còn Dự Bị Việt cho đủ mọi môn chuyên khoa mà thôi.

– Bốn cấp từ vườn trẻ – mẫu giáo lên đến tiểu – trung và đại học công tư đều được khuyến khích rộng mở ở khắp mọi vùng đất nước, nơi nào có thể, cho toàn dân. Do đó sĩ số học sinh-sinh viên cũng như số lượng giáo viên – giáo sư cứ được bổ túc liên tục mà tăng gấp bội lên theo cấp số nhân ở từng niên học. Các môn học ở các cấp cũng được cố gắng cập nhật theo tầm mức tân tiến chung trên thế giới mà bớt hoặc thêm vào từng năm. Chẳng hạn về công tác điều chỉnh, chúng ta có thể kể đến việc loại bỏ đi lớp Tiếp Liên (lớp học cuối của cấp tiểu học), và ở trung học đệ nhị cấp đã dẹp đi Ban D (ban cổ ngữ, học Hán Văn và La Tinh)... Còn việc bổ túc các ngành học, chúng ta có thể kể sự kiện thêm môn Tân Toán Học cho lớp 12 ban B (ban chuyên Toán, lớp chót của trung học đệ nhị cấp) bắt đầu từ niên học 1970-71. Trên cấp đại học, chúng ta cụ thể ghi nhận hai sự kiện: Ở phân khoa Khoa Học Sài Gòn, từ niên học 1961 trở về trước, lớp P. C. B (viết tắt của Physique-Chimie-Biologie animale) vốn là chứng chỉ Lý-Hóa-Sinh của văn bằng cấp cử nhân Khoa Học mà cũng là lớp Dự bị Y Khoa, nhưng sang niên học 1962-63, lớp P. C. B. vẫn là một chứng chỉ thuộc hệ thống trường Khoa Học, còn Dự Bị Y Khoa lại bắt đầu có tên riêng, A. P. M. (viết tắt của Année Préparatoire de Médecine) [2]. Trong khi ấy, phân khoa Văn Khoa Sài Gòn niên học 1964- 65, ban Triết học chia ra thành hai phân ban, Triết học tây phương và Triết học đông phương ...

– Sách giáo khoa thì được Trung Tâm Học Liệu của bộ Quốc Gia Giáo Dục chính thức xuất bản cho từng cấp học, nhưng nhiều nhất phải kể là vô số những tài liệu tiểu luận và luyện thi mọi môn học các cấp đã được các giáo sư chuyên ngành thi nhau soạn, xuất bản và phân phối rộng khắp.

– Các kỳ thi những văn bằng Tiểu Học, Trung Học Đệ Nhất Cấp (đẹp đi vào năm 1967), Tú Tài I (đẹp đi bằng nghị định chính thức vào năm 1973) dần dần được lược bỏ. Chỉ còn một kỳ thi tốt nghiệp ban Trung Học (mà trước kia gọi là kỳ thi Tú Tài Hai) và được bắt đầu thử nghiệm áp dụng thi viết cho một số môn học theo hình thức Trắc Nghiệm IBM (nôm na gọi là thi ABC khoanh, để có thể chấm điểm thật nhanh gọn bằng máy điện toán), vào kỳ thi giữa năm 1974 ...

Những yếu tố đại để nêu trên tiêu biểu minh chứng cho mục tiêu giáo dục đã được kiên trì liên tục áp dụng vào thực tế theo nhu cầu đời sống và theo đà dân số phát triển ở xã hội Miền Nam Việt Nam, dựa trên ba châm ngôn căn bản cốt lõi là Nhân Bản- Dân Tộc- Khai Phóng. Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò

Nhưng dù sao, trong mỗi giai đoạn chuyển đổi của nền giáo dục như thế cũng đều có những sự kiện bất cập. Như chương trình giáo dục thời tôi theo học bậc trung học VNCH có một điểm lạ ở chỗ Quốc văn (tức là Việt văn) các lớp Đệ Tứ (lớp 9 bây giờ), Đệ Nhị (lớp 11) thi học Kim văn; còn các lớp Đệ Ngũ (Lớp 8) và Đệ Tam (Lớp 10) lại phải học toàn Cổ văn.

Cổ văn tức là các loại văn được sáng tác từ xa xưa, câu chữ các cụ dùng trong quá khứ bao nhiêu thế kỷ trước của dân tộc ta bây giờ đã không còn thông dụng trong xã hội ngày nay nữa. Lại thêm văn chương cổ vốn được chủ trương “văn dĩ tải đạo” tức là các cụ viết văn chương với mục đích chuyên chở những đạo lý ở đời (nhưng nội dung của những đạo lý ấy hầu hết là nhắc lại những ý tưởng của sách vở xưa để lại một cách lý thuyết mà chứa đựng rất ít tư tưởng mới sáng tạo được rút ra từ kinh nghiệm sống thực tế trong đời sống cụ thể của các cụ); và những câu những chữ của thứ văn chương được gọi là ‘bác học’ ấy thường bao gồm nhiều điển tích mà muốn hiểu thấu đáo câu văn của các cụ đã viết ra thì phải thuộc nằm lòng những câu chuyện chứa đựng trong các điển tích ấy!

Quý vị độc giả hãy thử nghĩ lại xem: Học sinh mới lớn, tuổi trung bình từ 14-16, chúng tôi mới chỉ là những thiếu niên ở cái tuổi đang “nhỏ giò”, cái tuổi “ăn ít khi thấy no, lo chưa bao giờ kỹ” cả, thế mà phải “nhá” những thứ văn chương xưa cũ chứa đựng quá nhiều điển tích (chuyện xưa tích cũ, bên ta lẫn bên Trung Hoa), đọc lên nghe đã trúc trắc rồi, nói chi đến vấn đề có thể dễ tạo nên niềm thích thú học hỏi sao nổi!

Cho nên một hiện tượng thường xuyên phổ biến diễn ra là trên bàn thầy đang diễn đọc cuốn thơ nôm *Truyện Lục Vân Tiên* của cụ Nguyễn Đình Chiểu (1822- 1888), chẳng hạn đến đoạn tả nhân vật Lục Vân Tiên giữa đường ra tay đánh dẹp bọn cướp để cứu Kiều Nguyệt Nga: Khi nàng Kiều Nguyệt Nga tính bước xuống xe lạy tạ ơn, thì chàng họ Lục (vốn theo quan niệm cổ điển “nam nữ thọ thọ bất thân”) vội ngăn lại mà thốt lên rằng:

“Thôi thôi ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái, ta là phận trai”

Ở dưới mấy hàng ghế cuối lớp, nhóm học sinh tinh nghịch một cách ‘nhất quỷ- nhì ma- thứ ba học trò’ cũng liền đọc lên mấy câu về bình dân mà ngoài xã hội lúc ấy người ta thường “lấy”:

“Vân Tiên công mẹ chạy ra
Đụng phải cột nhà, công mẹ chạy dzô!”

Thế đấy... Và Việt văn lớp Đệ Tam C hồi tôi học do thầy Vũ Khắc Khoan đảm trách.

BÓNG DÁNG THẤY QUA TIỂU SỬ

Từ những tài liệu trên Internet tìm qua Google, có thể tóm tắt tiểu sử của thầy Vũ Khắc Khoan bằng mấy đoạn sau: “... Vũ Khắc Khoan sinh ngày 27/02/1917 tại Hà-nội, là học trò trường Bưởi. Lên đại học, ông theo ngành y khoa hai năm, trước khi vào trường Cao đẳng Canh nông. Tốt nghiệp, làm kỹ sư canh nông được một năm rồi chuyển hẳn sang nghề dạy học, dạy lịch sử tại hai trường Nguyễn Trãi và Chu Văn An, Hà-nội; đồng thời ông hoạt động kịch nghệ, viết văn, thành lập nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng. Từ 1948 Vũ Khắc Khoan bắt đầu in bài trên báo Phổ Thông, hai vở kịch *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (1948) và *Giao thừa* (1949) và bài tùy bút *Mơ Hương Cảng* (1953). *Giao thừa* có thể coi là vở kịch có nội dung đề cập đến tính chất phi lý đầu tiên của Việt Nam.

Ngay từ thời còn là sinh viên y khoa, Vũ Khắc Khoan đã đạo diễn những vở *Thế Chiến quốc* và *Nửa đêm truyền hịch* của Trần Tử Anh, trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Ông viết và dựng kịch bản đầu tay *Trường ca Mông Cổ*, tác phẩm làm nền cho vở *Thành Cát Tư Hãn* (1961) sau này. Năm 1952, vừa dựng vừa diễn vở *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* tại Nhà Hát Lớn. 1954 di cư vào Nam, Vũ Khắc Khoan cộng tác với nhật báo Tự Do, dựng lại nhóm Quan Điểm (với Nghiêm Xuân Hồng và Mặc Đỗ). Ngoài ra ông còn dạy sử, văn chương và văn học sử tại các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An ở Sài-gòn. Từ 1962 ông lên dạy đại học. Chủ trương nguyệt san Vấn Đề cùng với Mai Thảo, ông dạy và làm giám đốc Kịch nghệ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Sài-gòn.

Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, ông dạy Pháp văn tại đại học Minnesota trong hai năm, cộng tác với tờ *Đất Mới* (của Thanh Nam) và tờ *Văn* của Mai Thảo. Cuối đời ông sáng tác *Độc kinh* (1990), *Đoản văn xa nước* (1995), và hai bài thơ văn xuôi: *Berceuse en pluie mineure* (Ru em theo gam mưa thứ) và *Le petit oiseau, la petite branche et le printemps* (Con chim nhỏ, cành cây nhỏ và mùa xuân) và viết một số tác phẩm chưa hoàn tất: Như truyện dài *Bướm đêm* và kịch *Ngọa triều*. Vũ Khắc Khoan mất tại Minnesota ngày 12/9/1986 vì ung thư...”[3]

CHUNG QUANH BÓNG DÁNG KỊCH TÁC GIẢ VŨ KHẮC KHOAN

Phải nói ngay rằng cho đến bây giờ, 75 tuổi, tôi vẫn đặc biệt hãnh diện là đã có thời được học thầy. Trước tiên, những chi tiết và những nhận xét về hành trạng văn nghệ của cuộc đời ông thì trong Google và quá nhiều tác giả khác đã viết ra rồi [4], không cần thêm thắt gì ở đây nữa. Chỉ xin kể ra ở đây mấy hình bóng của ông khá sùng sững trong trí nhớ của cá nhân tôi, với những kỷ niệm có liên quan tới nhiều bạn hữu của tôi mà đa số họ nay cũng đã ra đi khỏi cõi đời này.

Chẳng hạn vào đầu thập niên 1960, thầy Vũ Khắc Khoan đang dạy trong bộ môn kịch ở trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch Nghệ-Sàigòn. Lúc ấy tôi mới bắt đầu rời bậc trung học & cũng không học bất cứ một môn nào ở trường ấy, nhưng lại thường xuyên đến sân khấu của ấy để

được tham dự những buổi hòa nhạc, nhất là để được thưởng thức những vở kịch do thầy dàn dựng và các môn sinh của thầy thủ những vai cốt cán chính.

Những vở kịch như *Thằng Cuội Ngồi Góc Cây Đa*, *Nghêu Sò Ốc Hến*, vở chèo *Quan Âm Thị Kính*... Nếu tôi nhớ không lầm thì những vở kịch này đều được thầy điều động ít nhất là một lần tại sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch Nghệ tọa lạc tại góc đường Nguyễn Du Sài Gòn, và do những diễn viên kịch như Hà Bay, Vũ Hạ... Họ vừa tốt nghiệp những năm trước và sau 1965, họ đảm trách phần trình diễn một cách xuất sắc, gây được tiếng vang cho ngành kịch nghệ của trường này. Nay Hà Bay đã mất hay chưa, cư ngụ hiện tại ở đâu, tôi không rõ. Nhưng Vũ Hạ thì sau tháng Tư năm 75 anh đã sang định cư tại miền Nam Cali, đi học lại và tốt nghiệp kỹ sư, làm ăn sinh sống rất mực thướt. Trong hai thập niên 1980 và 90, thỉnh thoảng chúng tôi tình cờ gặp nhau ở những tiệm sách cũ thuộc các cửa hàng như Goodwill hay Salvation Army. Và rồi anh cũng đã ra đi ở lớp tuổi 60, cách đây trên một thập niên.

Riêng vở *Thành Cát Tư Hãn* tôi nhớ là đã được cho diễn hai lần tại trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch Nghệ và một lần trên viện Đại Học Đà Lạt. Trong đó, vai *Thành Cát Tư Hãn* đều do Trần Quang thủ diễn, còn Phạm Thanh Nhân và Vũ Hạ đóng vai Sơn Ca; nhưng khi vở này được cho diễn trên Đà Lạt thì lại do Đinh Ngọc Mô đảm nhiệm vai Sơn Ca, và được khán thính giả khen là xuất sắc.

Trần Quang, theo như lời anh tiết lộ thì anh sinh ra bên Lào, người to lớn, bệ vệ trong vai *Thành Cát Tư Hãn* nhưng hồi ấy anh phát âm tiếng Việt hơi trớt; sau này nhờ liên tục chịu khó tập luyện, giọng nói của anh đã chuẩn hẳn và anh nổi tiếng hơn nữa khi sang làm diễn viên điện ảnh.

Phạm Thanh Nhân, hồi năm 1975 anh sang tị nạn sớm ở Mỹ và chưa có cơ hội trở lại ngành diễn kịch thì đã qua đời trong tai nạn khi đi câu cá tại Long Beach vào khoảng cuối năm 1979 đầu 1980.

Còn Đinh Ngọc Mô, sau khi tốt nghiệp khóa Đại học Sư Phạm Đà Lạt, anh trở thành một trong vài người điều khiển nổi tiếng cho chương trình truyền hình *Đó Vui Để Học* của Trung Tâm Học Liệu ở mấy năm cuối thập niên 1960, sau anh được cho đi du học. Vào năm 1982, vừa sang định cư ở Nam Cali chưa đầy một năm là tôi đã nghe tin Mô đột ngột qua đời bên Canada [4]

Trích Hồi Kỳ Phạm Quốc Bảo

[1] “Mùng 5 tháng Chín năm 1956: Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ khai mạc tại trụ sở bộ Giáo dục...” trích trang 201, Hai Mươi Năm Qua, 1945-1964, *Việc Từng Ngày*, tác giả Đoàn Thêm.

[2] Có thể xem thêm vào chi tiết ở truyện ngắn “*Racoto Féringa*”, trong tuyển tập *Hót Một Thang*, Việt Hưng xuất bản năm 2006.

[3] Xin xem chi tiết thêm về nhân vật Vũ Khắc Khoan trong các bài tiêu biểu khác, như: Thụy Khuê. *Vũ Khắc Khoan (1917-1986)*. Tác phẩm là một thác ngôn; Đào Ngọc Phong. *Nhớ thầy Vũ Khắc Khoan*.

[4] Có thể xem thêm bài tôi *Khóc Đinh Ngọc Mô (14-7-1982)*, trang 79, trong cuốn *Thơ, Hai Mươi Năm*, Việt Hưng xuất bản, 2002.

TIÊU LẠ

The image shows a handwritten musical score on aged paper. It features ten staves of music with lyrics written in Vietnamese. The score includes various musical notations such as notes, rests, and dynamic markings like 'p' (piano) and 'f' (forte). The lyrics are as follows:

trâm ánh sáng trong bóng mát láo lồi mai với gió non với ánh nắng xuân
 "mặt trời hồng với ánh" dạt dào trong lòng láo lồi
 thì xanh láo lồi Ta không thấy ánh sáng xuân
 bức vẽ đẹp hơn với láo lồi thì ánh sáng xuân là một ánh sáng xuân
 ánh sáng xuân là ánh sáng xuân là ánh sáng xuân là ánh sáng xuân
 qui vào thắp đèn sáng đẹp nhất một ánh sáng xuân tươi
 với ánh sáng xuân đẹp tươi phải là không còn ánh sáng
 ánh sáng xuân đẹp tươi phải là không còn ánh sáng
 ánh sáng xuân đẹp tươi phải là không còn ánh sáng
 ánh sáng xuân đẹp tươi phải là không còn ánh sáng
 ánh sáng xuân đẹp tươi phải là không còn ánh sáng